

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CHẤP THUẬN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SAM PHÚ

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 3600825946 do Sở KH&ĐT Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 17 tháng 07 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 09 tháng 07 năm 2009)

ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Đăng ký giao dịch số: ... /ĐKGD do..... cấp ngày ... tháng ... năm ...)

Bản công bố thông tin này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SAM PHÚ

KCN Long Thành, đường Phước Hữu, xã Tam An, H.Long Thành, T. Đồng Nai
ĐT: (84-61) 3.514 166 Fax (84-61) 3.514 165
Email: spc@samphu.com – Website: www.samphu.com



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Trụ sở chính

Địa chỉ: 71 Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội.
Điện thoại: (84-4) 3.773 7070 Fax: (84-4) 3.773 9058
Website: www.fpts.com.vn

Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 31 Nguyễn Công Trứ - Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-8) 6.290 8686 Fax: (84-8) 6.291 0607

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Nguyễn Thị Ngọc Lan – Nhân viên kế toán

Số điện thoại: (061) 3514166.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SAM PHÚ

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 3600825946 do Sở KH&ĐT Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 17 tháng 07 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 09 tháng 07 năm 2009)



ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 VNĐ (Mười ngàn đồng)
- Tổng số lượng đăng ký giao dịch: 5.000.000 cổ phiếu.
- Tổng giá trị đăng ký giao dịch (theo mệnh giá): 50.000.000.000 VNĐ
- Tổ chức kiểm toán



Công ty TNHH kiểm toán AS

Trụ sở chính : Tầng Lững, 63 Võ Văn Tần, Quận 3, TP.HCM

Tel: (84.8) 930 1277 – 930 1278 Fax: (84.8) 930 1395

Email: ktas@hcm.vnn.vn Website: www.asco.com.vn

- Tổ chức cam kết hỗ trợ:



Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT (FPTS)

Địa chỉ: 71 Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội.

Điện thoại: (84-4) 3.773 7070 Fax: (84-4) 3.773 9058

Website: www.fpts.com.vn

Chi nhánh TPHCM

Địa chỉ: 31 Nguyễn Công Trứ - Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 6.290 8686 Fax: (84-8) 6.291 0607

MỤC LỤC

| | |
|--|-----------|
| I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO..... | 1 |
| II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN | 3 |
| III. CÁC KHÁI NIỆM | 3 |
| IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH..... | 4 |
| V. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH | 33 |
| VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH..... | 34 |
| VII. PHỤ LỤC | 34 |



I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. *Rủi ro về kinh tế:*

Trong một thời gian dài, nền kinh tế Việt Nam đã duy trì được tốc độ tăng trưởng ở mức khá cao so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2005 là 8,4%, năm 2006 đạt 8,7%, năm 2007 đạt 8,5%. Sau thời kỳ tăng trưởng ấn tượng, tỷ lệ lạm phát cao và ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới đã khiến cho tốc độ tăng trưởng kinh tế chững lại. Tăng trưởng GDP năm 2008 ở mức 6,5%, năm 2009 chỉ còn 5,32%, mức thấp nhất từ năm 1999. Theo nhận định của IMF, mức tăng trưởng GDP năm 2010 của kinh tế Việt Nam sẽ đạt khoảng 6,5%.

Sản phẩm ống nhựa các loại của Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú là sản phẩm phục vụ cho nhu cầu của ngành bưu chính viễn thông, xây dựng. Do đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế cũng như tốc độ xây dựng có ảnh hưởng trực tiếp đến việc tiêu thụ các sản phẩm ống nhựa của Công ty. Nếu nền kinh tế lâm vào tình trạng khủng hoảng, tốc độ xây dựng sẽ giảm hẳn và điều này sẽ làm cho ngành sản xuất vật liệu xây dựng nói chung và sản xuất ống nhựa nói riêng bị sụt giảm nghiêm trọng. Mặc dù vậy, trong những năm tới, dự tính nhu cầu về các sản phẩm liên quan cáp viễn thông sẽ tăng cao để đáp ứng nhu cầu về đầu tư xây dựng hệ thống thông tin quốc gia, đây sẽ là một lợi thế lớn cho công ty.

2. *Rủi ro về luật pháp:*

Để tăng cường hiệu quả quản lý cũng như tạo hành lang pháp lý cho các doanh nghiệp tăng trưởng và phát triển, Nhà nước đã thực hiện ban hành một loạt các hệ thống văn bản quy phạm pháp luật nhằm điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, mọi hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Luật doanh nghiệp; Luật chứng khoán, các văn bản pháp luật và các thông tư hướng dẫn liên quan.

Việt Nam đang trong quá trình phát triển và hội nhập với kinh tế thế giới, mọi sự thay đổi về chính sách quản lý cũng như sự thay đổi về các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động của các doanh nghiệp nói chung cũng như của các doanh nghiệp trong ngành luôn có thể xảy ra, ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

3. *Rủi ro đặc thù:*

3.1 **Rủi ro về các yếu tố nguyên vật liệu đầu vào:**

Nguyên vật liệu (hạt nhựa) chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm nên biến động giá cả nguyên vật liệu sẽ tác động đến lợi nhuận của Công ty.

Do nguyên vật liệu chính là bột nhựa có nguồn gốc từ dầu mỏ nên những biến động về tình hình kinh tế, chính trị tại các nước sản xuất dầu mỏ trên thế giới sẽ ảnh hưởng rất lớn đến giá thành sản phẩm và kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

3.2 **Rủi ro tỷ giá**



Mức độ hòa nhập với thị trường quốc tế ngày càng cao của nền kinh tế Việt Nam giúp cho Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú đang có thêm nhiều cơ hội trong việc buôn bán với các đối tác nước ngoài. Một trong những rủi ro mà Công ty đang phải chịu ảnh hưởng trực tiếp là rủi ro về tỷ giá hối đoái. Trong thời gian gần đây, tỷ giá giữa Đồng Việt Nam và các ngoại tệ khác, điển hình là Đô La Mỹ đã biến động mạnh, và đồng Đô La Mỹ trở nên khan hiếm; gây ảnh hưởng không nhỏ đến giá nguyên vật liệu nhập khẩu, từ đó ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty. Để hạn chế rủi ro này, Công ty đã đặt quan hệ đối tác với các tổ chức tín dụng lớn nhằm chủ động cân đối ngoại tệ phục vụ cho việc nhập khẩu.

3.3 Rủi ro về đầu ra

Đầu ra sản phẩm của công ty phụ thuộc khá lớn vào tình hình đầu tư, sản xuất kinh doanh của các đơn vị Viễn thông nên việc các đơn vị này giảm hoặc tăng đầu tư sẽ ảnh hưởng rất lớn đến kết quả kinh doanh của công ty.

3.4 Rủi ro cạnh tranh:

Mặt hàng ống nhựa luôn cấp viễn thông hiện nay chủ yếu cung cấp cho các khách hàng chính như Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam (VNPT), VIETTEL, FPT, ... do đó việc phân phối và tiêu thụ sản phẩm của Công ty chủ yếu thông qua đấu thầu ngày càng gia tăng khi hầu hết các doanh nghiệp đều cố gắng hạ giá chào thấp nhất. Mặt khác, theo tiến trình hội nhập và mở cửa kinh tế với sự góp mặt ngày càng nhiều của các doanh nghiệp cả trong và ngoài nước tham gia vào lĩnh vực sản xuất ống nhựa càng làm gia tăng thêm áp lực cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong ngành.

3.5 Rủi ro công nghệ:

Do công nghệ hiện nay trên thế giới thay đổi một cách nhanh chóng nên các sản phẩm thay thế cho sản phẩm của Công ty là không tránh khỏi.

4. Rủi ro khác:

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh... đều gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Để hạn chế tối đa thiệt hại, Công ty đã tham gia vào các hợp đồng bảo hiểm cho các tài sản và công trình xây dựng của Công ty.

**II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN****1. Tổ chức đăng ký giao dịch:**

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SAM PHÚ

- Ông Phạm Chương Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Lê Song Thái Dương Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Ông Huỳnh Quang Vũ Chức vụ: Phụ trách kế toán
- Bà Đinh Thị Hoài Bắc Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức cam kết hỗ trợ:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT – CN TP.HCM

Ông NGUYỄN VĂN TRUNG Chức vụ: Giám đốc Chi Nhánh

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ đăng ký giao dịch do Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT – Chi Nhánh TP.HCM tham gia lập trên cơ sở hợp đồng cam kết hỗ trợ với Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

| | |
|-------------------------|--|
| UBCKNN: | Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước |
| SGDCK | Sở Giao dịch Chứng khoán |
| Công ty / SPC | Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú |
| FPTS: | Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT |
| Tổ chức cam kết hỗ trợ: | Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT |
| Sacom /Sam | Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Viễn thông |
| ĐHĐCĐ: | Đại hội đồng cổ đông |
| HĐQT: | Hội đồng quản trị |



IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

a. Thông tin chung về công ty:

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SAM PHÚ

Tên giao dịch quốc tế: SAM PHU PLASTICS CORPORATION

Tên viết tắt: SPC

Vốn điều lệ : 50.000.000.000 đồng

Địa chỉ: KCN Long Thành, đường Phước Hữu, xã Tam An, H.Long Thành, T. Đồng Nai

Điện thoại: (061) 3514166 Fax (061) 3514165

Email: spc@samphu.com – Website: www.samphu.com

Logo:



Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 3600825946 do Sở KH&ĐT Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 17 tháng 07 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 09 tháng 07 năm 2009.

b. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:

- Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu các sản phẩm nhựa, nguyên vật liệu ngành nhựa trong công nghiệp và dân dụng.
- Mua bán các loại cáp, vật liệu viễn thông.
- Vận tải đường bộ
- Cho thuê kho bãi, nhà xưởng

c. Quá trình hình thành và phát triển

Đứng trước yêu cầu tăng tốc phát triển và hiện đại hóa của mạng lưới bưu chính viễn thông trong nước, kéo theo nhu cầu ngày càng gia tăng đối với các sản phẩm ống nhựa luôn cáp viễn thông và khả năng phát triển thị trường trong nước đối với mặt hàng này, Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú đã được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 470 3000 327 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 17/07/2006 với các cổ đông sáng lập ban đầu là một số doanh nghiệp lâu năm trong ngành như Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Viễn thông (SACOM), Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu Điện Hà Nội (HASICO), Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn (SPT).



Công ty có trụ sở và nhà máy đặt tại KCN Long Thành, Đồng Nai đã được thành lập với vốn điều lệ ban đầu là 50 tỷ đồng, trong đó Sacom góp 12,5 tỷ đồng (25% vốn điều lệ) với công suất dây chuyền sản xuất ống nhựa luồn cáp viễn thông hiện đại.

Ngay từ khi được thành lập, Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú đã nhanh chóng trang bị hệ thống máy móc thiết bị hiện đại với dây chuyền sản xuất theo công nghệ tiên tiến hoàn toàn tự động.

Ngày 01/09/2006, Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú đã cho ra những sản phẩm đầu tiên là ống nhựa luồn cáp viễn thông và xuất xưởng lô hàng đầu tiên cho Buu Điện tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với giá trị 1.359.421.500 đồng. Vượt qua thời gian đầu mới thành lập với nhiều khó khăn và trở ngại, Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú đang từng bước củng cố và hoàn thiện dần nguồn nhân lực và vật lực nhằm mục tiêu phát triển, vươn ra thị trường trong cả nước. Sản phẩm Công ty cung cấp trên thị trường rộng khắp từ Khánh Hòa vào đến Cà Mau với sản lượng đạt 1.700.000 kg ống nhựa/năm, đạt 20% nhu cầu thị trường ống nhựa luồn cáp viễn thông.

- Tháng 08 năm 2007 Hội Đồng Quản Trị Công ty quyết định đầu tư “Dây chuyền sản xuất ống nhựa uPVC” dùng trong ngành cấp thoát nước. Đến tháng 12 năm 2008 những sản phẩm đầu tiên của “Dây chuyền sản xuất ống nhựa uPVC” cấp thoát nước ra đời.

Đến nay, Phân xưởng sản xuất ống nhựa đã dần ổn định, sản xuất ống nhựa luồn cáp viễn thông với sản lượng 1.700.000 kg ống nhựa/năm, ống nhựa dùng trong ngành cấp thoát nước với sản lượng 1.200.000 kg ống nhựa/năm.

- Tháng 11/2009, tại Triển lãm Quốc tế VIETBUILD Đồng Nai 2009 Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú đã được nhận Cúp vàng thương hiệu Ngành Xây dựng Việt Nam và Huy chương vàng chất lượng sản phẩm Ngành Xây dựng Việt Nam do Ban Tổ chức Triển lãm Quốc tế VIETBUILD thuộc Bộ Xây Dựng Việt Nam trao tặng.
- Năm 2009, Công ty vừa cho ra thị trường sản phẩm ống nhựa chịu lực mới dùng cho ngành viễn thông và điện lực. Loại ống nhựa này chịu được lực ép lớn, sử dụng cho các công trình chôn cáp viễn thông, điện lực ngầm dưới lòng đường.

Những sản phẩm ống nhựa luồn cáp viễn thông và ống nhựa dùng trong ngành cấp thoát nước do Công ty sản xuất đã được chứng nhận các tiêu chuẩn sau:

- Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn “Ống nhựa uPVC dùng cho tuyến cáp ngầm Ø110 x 5,0 x 6000mm” số B1400151208CH01A2 do Trung tâm Kiểm định và Chứng nhận 2 thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông chứng nhận.
- Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn “Ống nhựa PVC 1 Lớp dùng cho tuyến cáp ngầm Ø110 x 5,0 x 6000mm” số B0295020407CH01A2 do Trung tâm Kiểm định và Chứng nhận 2 thuộc Bộ Bru chính - Viễn thông chứng nhận.



- Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn “Ống nhựa PVC chịu lực dùng cho tuyến cáp ngầm Ø110 x 6,8 x 6000mm” số B0747251206AH01C2 do Chi Cục Quản lý Chất lượng Khu vực 2 thuộc Bộ Bưu chính - Viễn thông chứng nhận.
- Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn “Ống nhựa PVC 1 Lớp chịu lực Ø110 x 6,8 x 6000mm” số B0473180507CH01A2 do Trung tâm Kiểm định và Chứng nhận 2 thuộc Bộ Bưu chính - Viễn thông chứng nhận.
- Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn “Ống nhựa uPVC Ø27 x 1,8 x 4000mm” số B1086021008CH01A2 do Trung tâm Kiểm định và Chứng nhận 2 thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông chứng nhận.
- Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn “Ống nhựa uPVC Ø34 x 2,5 x 4000mm” số B0712070708CH01A2 do Trung tâm Kiểm định và Chứng nhận 2 thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông chứng nhận.
- Tất cả những sản phẩm ống nhựa dùng trong ngành cấp thoát nước uPVC từ Ø21 đến Ø114 đều được thử nghiệm theo các tiêu chuẩn: TCVN 6145:1996, TCVN 6144:2003, TCVN 6147-1:2003, ISO 6259-1:1997, ASTM D 638-02, TC.VNPT-06:2003, TCVN 6148-1:2003 và ASTM D 149-97a tại Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 thuộc Tổng Cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

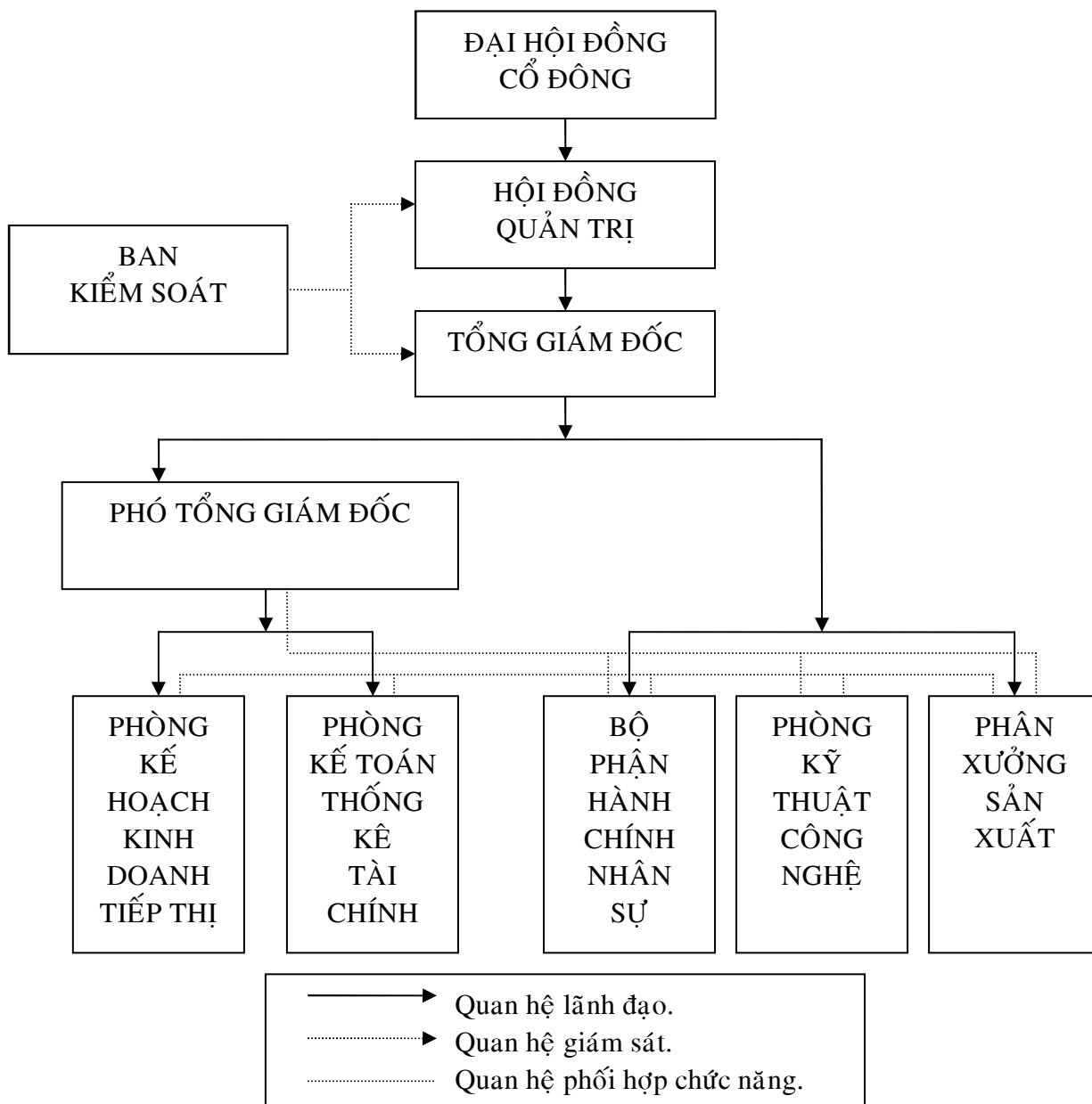
Năm 2009, sản phẩm ống nhựa chuyên dụng dành cho viễn thông và điện lực của công ty đạt sản lượng trên 1.500 tấn và sản phẩm ống nhựa dân dụng đạt trên 1.700 tấn. Hiện sản phẩm của công ty đang được tiêu thụ mạnh tại các thị trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Lâm Đồng, Long An và Bến Tre.

2. Cơ cấu tổ chức công ty

Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú là thành viên thuộc Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu viễn thông (SAM). Hiện nay công ty không có công ty con.



3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty:



**Đại hội đồng Cổ đông:**

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú, bao gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết và người được Cổ đông ủy quyền. Đại hội đồng Cổ đông có nhiệm vụ thảo luận và thông qua các báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm, các báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty về tình hình hoạt động kinh doanh; quyết định các phương án, kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; tiến hành thảo luận thông qua, bổ sung, sửa đổi Điều lệ của Công ty; bầu, bãi nhiệm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và bộ máy tổ chức của Công ty và các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra gồm 03 (ba) thành viên với nhiệm kỳ tối đa là 05 (năm) năm. Hội đồng quản trị có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng Cổ đông. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý của Công ty.

Đại hội đồng Cổ đông hoặc các thành viên Hội đồng quản trị sẽ bầu ra Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ban kiểm soát:

Ban Kiểm Soát là tổ chức giám sát, có nhiệm vụ kiểm tra việc thực hiện nghị quyết Hội đồng quản trị và tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh; trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các Cổ đông. Ban kiểm soát Công ty gồm 03 (ba) thành viên với nhiệm kỳ tối đa là 03 (ba) năm do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra.

Ban điều hành:

Ban điều hành hiện tại của Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú gồm có một Tổng Giám đốc điều hành, một Phó Tổng Giám đốc chuyên trách tài chính và kinh doanh.

Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm với nhiệm kỳ 03 (ba) năm, là người đại diện theo Pháp luật của Công ty, là người chịu trách nhiệm chính và duy nhất trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng Cổ đông về tất cả các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm theo đề xuất của Tổng Giám đốc.

Các bộ phận nghiệp vụ:

Các bộ phận nghiệp vụ có chức năng tham mưu và giúp việc cho Tổng Giám đốc, trực tiếp quản lý và điều hành công việc theo chức năng chuyên môn và theo chỉ đạo của Ban điều hành.

a. Bộ phận Hành chính - Nhân sự:



Có chức năng tổ chức thực hiện và xử lý những vấn đề liên quan đến công tác hành chính, văn thư và nhân sự của Công ty theo đúng quy định của Pháp luật.

b. Bộ phận Kế toán - Thống kê Tài chính:

Thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Giám sát, kiểm tra và tổ chức thực hiện công tác tài chính và hạch toán kế toán của Công ty theo chế độ hiện hành.
- Lập dự thảo kế hoạch tài chính, tín dụng và nhu cầu về nguồn vốn phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Xác định đúng đắn kết quả sản xuất kinh doanh và tổ chức phân phối lợi nhuận phù hợp Điều lệ và Quy chế Tài chính của Công ty.

c. Bộ phận Kế hoạch – Kinh doanh - Tiếp thị:

Tham mưu cho Tổng Giám đốc hoạch định chiến lược và sách lược kinh doanh sản phẩm của Công ty.

Chịu trách nhiệm cung ứng nguyên vật liệu đáp ứng cho hoạt động sản xuất và tổ chức hệ thống phân phối sản phẩm của Công ty.

Chịu trách nhiệm trong việc tiếp thị và nghiên cứu thị trường.

d. Bộ phận Kỹ thuật:

Thường trực công tác, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, đề xuất đầu tư thiết bị phục vụ nhu cầu phát triển sản xuất của Công ty.

e. Bộ phận sản xuất:

Có nhiệm vụ thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng kế hoạch do Công ty giao.



4. Danh sách cổ đông

a. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% cổ phần của công ty tại ngày 21/06/2010:

| STT | Tên cổ đông | Địa chỉ | Số ĐKKD | Số lượng CP sở hữu | Tỷ trọng (%) |
|------------------|---|--|---------|--------------------|---------------|
| 1 | Công ty Cổ phần Cáp và vật liệu Viễn Thông. | Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đồng Nai | 059162 | 1.254.819 | 25,10% |
| 2 | Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn. | 180 - 182 Nguyễn Công Trứ, Q. 1, TP. HCM | 056679 | 418.273 | 8,37% |
| TỔNG CỘNG | | | | 1.673.092 | 33,46% |

b. Cổ đông sáng lập

| STT | Tên Cổ đông | Số lượng | Tỷ lệ sở hữu |
|------------------|--|------------------|---------------|
| 1 | Công ty Cổ phần Cáp và vật liệu Viễn Thông. | 1.254.819 | 25,10% |
| 2 | Công ty Tài chính Bưu Điện | 129.136 | 2,58% |
| 3 | Công Ty Cổ Phần Xây Lắp Bưu Điện Hà Nội | 209.136 | 4,18% |
| 4 | Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn | 209.136 | 4,18% |
| 5 | Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn. | 418.273 | 8,37% |
| TỔNG CỘNG | | 2.220.500 | 44,41% |

Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, cổ đông sáng lập bị hạn chế chuyển nhượng cổ phần của mình trong 3 năm kể từ ngày thành lập. Công ty được thành lập từ ngày 17/07/2006, đến nay quy định hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.



c. Cơ cấu cổ đông Công ty tại ngày 21/06/2010:


| STT | LOẠI CỔ ĐÔNG | SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU | GIÁ TRỊ | TỶ LỆ SỞ HỮU |
|------------------|---------------------------|-------------------|-----------------------|----------------|
| I | CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC | 4.984.000 | 49.840.000.000 | 99,68% |
| 1 | CÁ NHÂN | 2.743.000 | 27.430.000.000 | 54,86% |
| 2 | TỔ CHỨC | 2.241.000 | 22.410.000.000 | 44,82% |
| II | CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI | 16.000 | 160.000.000 | 0,32% |
| 1 | CÁ NHÂN | 4.000 | 40.000.000 | 0,08% |
| 2 | TỔ CHỨC | 12.000 | 120.000.000 | 0,24% |
| TỔNG CỘNG | | 5.000.000 | 50.000.000.000 | 100,00% |

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con:

- Danh sách Công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty CP Nhựa Sam Phú: không có
- Danh sách những Công ty mà Công ty CP Nhựa Sam Phú nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: Không có

6. Hoạt động kinh doanh:

a. Sản phẩm dịch vụ chính:

| Ống nhựa uPVC dùng trong ngành nước | |
|---|--|
|  | <p>1.Vật liệu</p> <p>- Ống nhựa PVC cứng hệ inch – theo các tiêu chuẩn ASTM D 638-02; ASTM D 149-97a; TCVN -6145:1996; TCVN -6144:2003; TCVN -6147-1:2003; TCVN -6148-1:2003;TC- VNPT – 06:2003</p> <p>- Được sản xuất từ hợp chất nhựa không hoá dẻo.</p> <p>- HOÀN TOÀN KHÔNG CÓ CHÌ trong thành phần vật liệu nên an toàn cho người sử dụng và môi trường.</p> <p>2.Lĩnh vực áp dụng.</p> <p>- Dùng trong ngành cấp thoát nước dân dụng và công nghiệp.</p> |



Ống nhựa PVC dùng trong luồn cáp viễn thông



1. Vật liệu

a. Ống nhựa PVC cứng hệ inch – theo tiêu chuẩn TC- VNPT – 06:2003.

b. Được sản xuất từ hợp chất nhựa không hoá dẻo.

2. Hình dạng, màu sắc:

Ống thẳng tròn đều, mặt trong và mặt ngoài nhẵn bóng, màu vàng hoặc cam theo yêu cầu khách hàng.

3. Lĩnh vực áp dụng.

Dùng trong việc luồn cáp ngầm của ngành Viễn thông, điện lực

b. Doanh thu thuần và lợi nhuận gộp qua các năm

Đvt: đồng

| STT | Khoản mục | Năm 2008 | | Năm 2009 | |
|-----------------------------|----------------------------|-----------------------|--------------|----------------------|--------------|
| | | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| 1 | Ống viễn thông | 9.606.876.166 | 84,48 | 6.750.225.070 | 72,54 |
| 2 | Ống dân dụng | 193.731.730 | 1,70 | 1.813.509.009 | 19,46 |
| 3 | Phụ kiện | 100.459.153 | 0,88 | 238.607.474 | 2,56 |
| 4 | Nguyên vật liệu và Dịch vụ | 1.471.350.585 | 12,94 | 503.005.726 | 5,41 |
| Tổng doanh thu thuần | | 11.372.417.634 | 100 | 9.305.347.279 | 100 |

| STT | Khoản mục | Năm 2008 | | Năm 2009 | |
|---------------------------|----------------------------|----------------------|--------------|----------------------|--------------|
| | | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| 1 | Ống viễn thông | 1.415.729.377 | 84 | 1.181.518.013 | 73 |
| 2 | Ống dân dụng | 28.549.520 | 2 | 317.425.498 | 19 |
| 3 | Phụ kiện | 14.804.289 | 1 | 41.764.390 | 3 |
| 4 | Nguyên vật liệu và Dịch vụ | 216.827.428 | 13 | 88.043.038 | 5 |
| Tổng lợi nhuận gộp | | 1.675.910.613 | 100 | 1.628.750.939 | 100 |

c. Trình độ công nghệ sản xuất

| Nội dung | Xuất xứ | Sản phẩm | Năng lực sản xuất |
|---|------------|-----------------------------------|-------------------|
| Dây chuyền sản xuất ống uPVC dân dụng | Trung Quốc | Ống uPVC dân dụng Ø 21-60 | 1.700 tấn/năm |
| Dây chuyền sản xuất ống luồn cáp viễn thông | Trung Quốc | Ống PVC luồn cáp 01 lớp và 03 lớp | 600 tấn/năm |
| Máy in sản phẩm | Anh | | |
| Hệ thống máy nén khí | Nhật | | |

**d. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng:**

Công ty hiện đang áp dụng quy trình quản lý chất lượng theo chuẩn ISO 9001-2000. (chưa được chứng nhận)

e. Nhận hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Nhãn hiệu: Ống nhựa SAM PHÚ, đã đăng ký tại Cục Sở Hữu Trí Tuệ Việt Nam.

f. Kế hoạch phát triển kinh doanh:***Thị trường ống nhựa viễn thông***

- Lập hồ sơ năng lực gửi đến tất cả Viễn thông, các đơn vị thi công công trình viễn thông các tỉnh thành khu vực phía Nam để giới thiệu về công ty.
- Xúc tiến các hoạt động tiếp cận khách hàng: gọi điện chào hàng, thăm hỏi; bố trí lịch luân phiên tiếp xúc Viễn thông các tỉnh thành.
- Nắm bắt thường xuyên, tham gia đầy đủ các gói thầu do Viễn thông mời.

Thị trường ống nhựa dân dụng

- Tiếp tục chăm sóc các nhà phân phối, đại lý đang tiêu thụ sản phẩm của công ty nhằm giữ được một lượng khách hàng ổn định: cử nhân viên bán hàng trực tiếp hỗ trợ nhà phân phối tiêu thụ sản phẩm;
- Phát triển thêm nhà phân phối tại các tỉnh còn lại.
- Giới thiệu ra thị trường ống dân dụng có màu vàng nhằm tạo sự khác biệt khi cạnh tranh với sản phẩm dân dụng màu xanh, xám hiện tại trên thị trường.
- Tham gia quảng bá sản phẩm trên phương tiện truyền thông.
- Thiết lập kênh bán hàng công trình:
 - + Công trình xây dựng: cử nhân viên tiếp cận, tiếp thị trực tiếp đến các công ty xây dựng lớn, thuyết phục khách hàng sử dụng sản phẩm trong các công trình xây dựng, chấp nhận mức giá bán cạnh tranh nhằm nâng được thương hiệu sản phẩm trên thương trường lên tầm cao mới.
 - + Công trình cấp thoát nước: xây dựng mạng lưới công tác viên tại các đơn vị thi công ngành cấp thoát nước nhằm nắm bắt kịp thời các thông tin của các gói thầu cấp thoát nước, qua đó có kế hoạch tiếp cận, tiếp thị riêng biệt cho từng công trình.
- Đẩy nhanh tiến độ cung cấp phụ kiện mang thương hiệu SAM PHÚ nhằm tạo sự đồng bộ của sản phẩm trên thị trường, qua đó nâng cao sức cạnh tranh khi tham gia cung cấp sản phẩm cho các công trình xây dựng có quy mô lớn.
- Nghiên cứu, xây dựng đề án sản xuất ống nhựa chống cháy.

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:**7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm liền trước năm đăng ký giao dịch:**

- Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2008, 2009 và 9 tháng đầu năm 2010



Đvt : triệu đồng

| Nội dung | Thực hiện năm 2008 | Thực hiện năm 2009 | So sánh 2009/2008 | Thực hiện 9 tháng/2010 |
|--|--------------------|--------------------|-------------------|------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4=(3-2)/2 | 5 |
| 1.1. Tổng giá trị tài sản | 43.324 | 43.544 | 0,51% | 49.129 |
| 1.2. Doanh thu thuần | 11.372 | 9.305 | (-0,18%) | 6.956 |
| 1.3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | (10.014) | (823) | - | (621) |
| 1.4. Lợi nhuận khác | 29 | (385) | - | (301) |
| 1.5. Lợi nhuận trước thuế | (9.985) | (1.209) | - | (355) |
| 1.6. Lợi nhuận sau thuế | (9.985) | (1.209) | - | (355) |
| 1.7. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | - | - | - | - |

Nguồn: BCTC kiểm toán 2009, BCTC Quý III/2010 - Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú.

Năm 2008, công ty chưa có lợi nhuận do ngoài giá vốn hàng bán chiếm đến 85% doanh thu thuần thì còn do khoản chi phí tài chính mà cụ thể là dự phòng giảm giá các khoản đầu tư đến 64,5% so với doanh thu thuần. Đến năm 2009, khoản chi phí tài chính đã được giảm thiểu nhưng giá vốn hàng bán vẫn chiếm đến 82% doanh thu thuần và các khoản chi phí khác như chi phí quản lý doanh nghiệp không giảm đáng kể (giảm 5,6%) nên doanh nghiệp vẫn chưa có lợi nhuận.

Trong báo cáo kiểm toán 2008,2009, Công ty kiểm toán có lưu ý “Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú có góp vốn vào Công ty TNHH Cáp Thăng Long theo hợp đồng hợp tác kinh doanh nhưng đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, Công ty Kiểm toán chưa nhận được thư xác nhận góp vốn, phân chia lợi nhuận giữa hai bên từ khi hợp đồng có hiệu lực”. Công ty cổ phần Nhựa Sam Phú xác nhận rằng cho đến thời điểm hiện tại, phần lợi nhuận từ đầu tư góp vốn xây dựng nhà máy sản xuất nhựa với Công ty TNHH Cáp Thăng Long vẫn chưa được ghi nhận vì hai bên vẫn chưa thống nhất được số liệu.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

Thuận lợi: Thị trường bất động sản đang trên đường hồi phục, kích thích thị trường vật liệu ngành xây dựng phát triển, tạo điều kiện cho mặt hàng ống nhựa dân dụng của Công ty xâm nhập thị trường vốn mang tính cạnh tranh khốc liệt này.

Khó khăn: Dù rằng Chính phủ đã lên tiếng yêu cầu ngừng hoá hệ thống cáp viễn thông và điện lực nhằm dẹp bỏ hệ thống dây cáp treo, nhưng các doanh nghiệp trong ngành viễn thông và điện lực vẫn còn chần chừ; mặt khác với sự phát triển mạnh mẽ của hệ thống cáp quang, thị trường cáp đồng bị thu hẹp gây ảnh hưởng lớn đến sản lượng nhựa tiêu thụ



trong việc luân cấp vốn vẫn đang chiếm tỷ trọng thứ yếu trong cơ cấu doanh thu của công ty. Trong lĩnh vực ống nhựa dân dụng, do chưa đầu tư sản xuất phụ kiện uPVC ngành nước, chưa đồng bộ hoá được sản phẩm nên chưa thu hút được khách hàng.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành:

Vị thế của công ty trong ngành:

Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú thành lập ngày 17 tháng 07 năm 2006 với các sản phẩm chính là ống nhựa các loại dùng trong ngành Viễn thông.

Ngay sau khi thành lập, sản phẩm của Công ty đã được sự tin nhiệm của Viễn thông các tỉnh và thành phố. Sản phẩm Công ty cung cấp trên thị trường rộng khắp từ Khánh Hòa vào đến Cà Mau với sản lượng đạt 1.700.000 kg ống nhựa/năm, đạt 20% nhu cầu thị trường ống nhựa luân cấp viễn thông.

Nhằm mở rộng hoạt động sản xuất theo hướng phục vụ nhu cầu chung của cộng đồng xã hội. Tháng 08 năm 2007 Hội Đồng Quản Trị Công ty quyết định đầu tư thêm “Dây chuyên sản xuất ống nhựa uPVC” dùng trong ngành cấp thoát nước.

Đến tháng 12 năm 2008 những sản phẩm đầu tiên của “Dây chuyên sản xuất ống nhựa uPVC” cấp thoát nước ra đời thì gặp phải sự cạnh tranh khốc liệt của thị trường khi nền kinh tế lâm vào khủng hoảng, ngành ống nhựa cấp thoát nước đã có rất nhiều tên tuổi lớn đã được xác lập thương hiệu trên thị trường như Bình Minh, Đạt Hòa, ... nhưng với chính sách kinh doanh hợp lý, đội ngũ cán bộ công nhân viên tâm huyết với Công ty, Ban Điều Hành đã đưa được sản phẩm ra thị trường và được người tiêu dùng chấp nhận.

Ngay lần đầu tiên tham gia Triển lãm Quốc tế VIETBUILD Đồng Nai 2009, Công ty đã được nhận Cúp vàng thương hiệu Ngành Xây dựng Việt Nam và Huy Chương vàng chất lượng sản phẩm Ngành Xây dựng Việt Nam do Ban Tổ chức Triển lãm Quốc tế VIETBUILD thuộc Bộ Xây Dựng Việt Nam trao tặng

Triển vọng phát triển của ngành:

Ngành Bưu chính viễn thông là một trong những ngành được Chính phủ chú trọng đầu tư phát triển. Căn cứ chiến lược phát triển Bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin theo mô hình tập đoàn kinh tế mạnh đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 58/2005/QĐ-TTg ngày 23/3/2005. Theo kế hoạch phát triển mạng viễn thông quốc gia, từ nay đến năm 2010, mật độ điện thoại đạt 56,1 máy/100 dân (năm 2005 mới đạt 19,9 máy/100 dân). Dịch vụ Internet được phổ cập rộng rãi trong xã hội. Riêng tập đoàn Bưu chính viễn thông đã có kế hoạch đầu tư cho xây dựng cơ bản và phát triển trong giai đoạn 2006-2010 tối thiểu là 95.000 tỷ đồng.

Theo số liệu thống kê của Bộ Bưu chính Viễn thông, tốc độ tăng trưởng doanh thu chung của ngành CNTT và Truyền thông trong 5 năm qua đạt mức trung bình 12%/năm. Hiện đã có 97,5% số xã trong toàn quốc có máy điện thoại. Tổng số bưu cục, đại lý bưu chính và điểm Bưu điện Văn hoá xã đạt gần 15.000 điểm, trong đó có hơn 3.000 bưu cục cấp 1, 2, 3, trên 7.000 điểm Bưu điện Văn hoá xã và 3.000 cơ sở đại lý bưu điện. Mạng viễn thông quốc tế gồm 3 tổng đài công, 6.242 kênh với 36 hướng liên lạc trực tiếp đi quốc tế. Tổng số thuê bao Internet là 1,54 triệu, đạt tỷ lệ người sử dụng 6,74 %.



Ngoài ra, nhu cầu thẩm mỹ và chất lượng ngày càng cao đòi hỏi hệ thống cáp viễn thông, cáp điện lực... đều phải được ngầm hóa. Việc này sẽ cần đến lượng ống luồn cáp viễn thông cực lớn để đáp ứng nhu cầu ngầm hóa cho các hệ thống cáp hiện hữu và xây lắp mở rộng hệ thống cáp mới.

Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới:

Qua nhìn nhận và tìm hiểu, phân tích thị trường với chiến lược kinh doanh của Công ty trong tương lai mà Ban Điều Hành đã xây dựng thì Công ty đánh giá trong một vài năm nữa sẽ có chỗ đứng vững chắc trên thị trường và sẽ là một trong những Công ty đứng vào hàng đầu của ngành. Mục tiêu của Công ty là để người tiêu dùng biết đến Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú, là Công ty có các sản phẩm chất lượng, có đội ngũ nhân viên thân thiện với khách hàng, có giá cả cạnh tranh, có sự nhạy bén trong mọi vấn đề khi khách hàng cần là Công ty có ngay.

Năm 2009, Công ty vừa cho ra thị trường sản phẩm ống nhựa chịu lực mới dùng cho ngành viễn thông và điện lực. Loại ống nhựa này chịu được lực ép lớn, sử dụng cho các công trình chôn cáp viễn thông, điện lực ngầm dưới lòng đường. Đây là bước đi đúng hướng, đón trước nhu cầu đang ngày càng lớn của việc ngầm hóa hệ thống cáp của cả nước, nhất là trong việc xây dựng các khu công nghiệp; khu dân cư mới.

9. Chính sách đối với người lao động:

| Tiêu chí | Số lượng (người) | Tỷ trọng (%) |
|---|------------------|--------------|
| Theo trình độ lao động | | |
| - Trình độ đại học và trên đại học | 5 | 17% |
| - Trình độ cao đẳng, trung cấp | 13 | 45% |
| - Trình độ khác | 11 | 38% |
| Theo loại hợp đồng lao động | | |
| - Không thuộc diện ký HĐLĐ (TGD, PTGD, KTT) | 3 | 10% |
| - HĐLĐ không xác định thời hạn | 7 | 24% |
| - HĐLĐ xác định thời hạn (1 – 3 năm) | 19 | 66% |
| - HĐLĐ thời vụ (dưới 1 năm) | 0 | 0% |

Hiện nay, một số cán bộ, công nhân đang có bằng nghề, đã và đang theo học các lớp Trung cấp, đại học nhằm nâng cao trình độ, đáp ứng nhu cầu của Công ty.

Về tiền lương: Công ty áp dụng đồng thời 2 thang bảng lương:

Lương cơ bản: hệ thống thang bảng lương quy định tại Quyết định số 120408/QĐ-HĐQT ngày 22/04/2008 của Hội Đồng Quản Trị về việc ban hành Quy chế trả lương Công ty cổ



phần Nhựa Sam Phú áp dụng để chi trả lương thời gian, lương chế độ, nộp BHXH, BHYT và trả trợ cấp thôi việc cho người lao động.

Lương sản phẩm: thực hiện theo chế độ khoán được quy định tại Quyết định số 120408/QĐ-HĐQT ngày 22/04/2008 của Hội Đồng Quản Trị về việc ban hành Quy chế trả lương Công ty cổ phần Nhựa Sam Phú

Lương bình quân năm 2008 là 2,4 triệu đồng/người/tháng, năm 2009 là 2,99 triệu đồng/người/tháng.

Công tác tuyển dụng và đào tạo

Phát triển nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng, là tài nguyên của tổ chức, là yếu tố cạnh tranh mang tính quyết định đối với sự phát triển bền vững của Công ty. Thực hiện chủ trương trên, Công ty đã không ngừng tăng cường và cải thiện cả về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực để đáp ứng những yêu cầu về nhân sự trong quá trình hoạt động và phát triển.

- Hàng năm, Công ty có kế hoạch đào tạo và đào tạo lại công nhân, cán bộ, tổ chức thi kiểm tra tay nghề.
- Quan tâm tới chính sách ưu đãi tiền lương, thu hút tuyển dụng nhân tài, đánh giá sử dụng cán bộ đúng người đúng việc để phát huy hiệu quả công tác quản trị nhằm đạt được hiệu suất cao cũng như việc tác động tích cực tới tâm lý hăng hái, tích cực làm việc của người lao động.

10. Chính sách cổ tức:

Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của Pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo quy định của Pháp luật. Cổ đông sẽ được chia cổ tức tương ứng với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới. Tùy tình hình thực tế, Hội đồng quản trị có thể tạm ứng cổ tức cho cổ đông 6 tháng hoặc hàng năm.

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của Pháp luật.

Năm 2008 và 2009, do Công ty chưa có lợi nhuận nên không thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông.

11. Tình hình hoạt động tài chính :

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

– **Trích khấu hao TSCĐ**



Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

| | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 10 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 10 năm |
| - Phương tiện vận tải | 08 năm |
| - Dụng cụ quản lý | 05 năm |
| - Quyền sử dụng đất | 47 năm |

Mức lương bình quân

Lương bình quân năm 2008 là: 2,4 triệu đồng/người/tháng; năm 2009 là 2,99 triệu đồng/người/tháng;

Mức lương bình quân tại công ty là tương đối phù hợp với bình quân của nền kinh tế và bằng với mức trung bình của ngành.

Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty đã thực hiện tốt việc thanh toán các khoản nợ đến hạn, căn cứ báo cáo kiểm toán năm 2009 Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty đã thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế Giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân theo quy định của Nhà nước. Số dư các khoản phải nộp năm 2008, năm 2009 như sau: Đvt : đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2008 | 31/12/2009 | 30/09/2010 |
|----------------------------|----------------|-------------------|------------------|
| Thuế Giá trị gia tăng | 0 | 77.853.806 | 0 |
| Thuế Thu nhập doanh nghiệp | - | - | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 868.065 | 3.321.661 | 7.890.076 |
| Tổng cộng | 868.065 | 81.175.467 | 7.890.076 |

Trích lập các quỹ theo luật định:

Công ty thực hiện trích lập các quỹ theo đúng điều lệ công ty và pháp luật quy định.

Đvt : đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2008 | 31/12/2009 | 30/09/2010 |
|----------|------------|------------|------------|
|----------|------------|------------|------------|



| | | | |
|---------------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| Quỹ đầu tư phát triển | 36.317.234 | 36.317.234 | 36.317.234 |
| Quỹ dự phòng tài chính | 36.317.234 | 36.317.234 | 36.317.234 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 91.060 | - | - |
| Tổng cộng | 72.725.528 | 72.634.468 | 72.634.468 |

– **Tổng dư nợ vay**

Đvt : đồng

| Khoản vay | Số dư | | |
|------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| | 31/12/2008 | 31/12/2009 | 30/09/2010 |
| Vay ngắn hạn | 3.200.000.000 | 2.657.145.740 | 5.888.587.300 |
| Vay dài hạn | - | - | - |
| Tổng cộng | 3.200.000.000 | 2.657.145.740 | 5.888.587.300 |

Công ty không có các khoản vay quá hạn.

– **Tình hình công nợ hiện nay (tổng số nợ phải thu, tổng số nợ phải trả):****Các khoản phải thu**

Đvt : đồng

| Các khoản phải thu | 31/12/2008 | 31/12/2009 | 30/09/2010 |
|--------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| Phải thu khách hàng | 2.787.674.124 | 5.522.887.929 | 9.217.994.662 |
| Trả trước cho người bán | 286.928.800 | 379.422.600 | 332.106.040 |
| Phải thu nội bộ ngắn hạn | - | - | - |
| Các khoản phải thu khác | 20.852.953 | 393.505.777 | 30.107.500 |
| Tổng cộng | 3.095.455.877 | 6.295.816.306 | 9.580.208.202 |

Các khoản phải trả

Đvt : đồng

| Các khoản phải trả | 31/12/2008 | 31/12/2009 | 30/09/2010 |
|-------------------------------------|---------------|---------------|---------------|
| Vay và nợ ngắn hạn | 3.200.000.000 | 2.657.145.740 | 5.888.587.300 |
| Phải trả người bán | 1.197.447.946 | 1.547.415.535 | 5.362.001.978 |
| Người mua trả tiền trước | 84.000.000 | 66.500.000 | 439.880.680 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 868.065 | 81.175.467 | 7.890.076 |



| | | | |
|--|----------------------|----------------------|-----------------------|
| Phải trả người lao động | 275.822.918 | 175.555.881 | 95.288.848 |
| Chi phí phải trả | 113.815.529 | 168.310.037 | 78.046.484 |
| Phải trả nội bộ | - | - | - |
| Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 649.223.019 | 253.787.747 | 173.268.783 |
| Dự phòng phải trả ngắn hạn | - | - | - |
| Tổng cộng | 5.521.177.477 | 4.949.890.407 | 12.044.964.049 |

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Đvt : đồng

| Chứng khoán đầu tư ngắn hạn | 31/12/2008 | 31/12/2009 | 30/09/2010 |
|---|----------------------|----------------------|----------------------|
| CTCP Cấp và Vật liệu Viễn Thông SACOM (SAM) | 4.500.000.000 | - | - |
| CTCP Cấp Sài Gòn (CSG) | 4.500.000.000 | 4.500.000.000 | 3.600.000.000 |
| Tổng cộng | 9.000.000.000 | 4.500.000.000 | 3.600.000.000 |

| Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 31/12/2008 | 31/12/2009 | 30/09/2010 |
|---|------------------------|------------------------|------------------------|
| CTCP Cấp và Vật liệu Viễn Thông SACOM (SAM) | (3.999.600.000) | - | - |
| CTCP Cấp Sài Gòn (CSG) | (3.730.000.000) | (3.200.000.000) | (2.568.000.000) |
| Tổng cộng | (7.729.600.000) | (3.200.000.000) | (2.568.000.000) |

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Các chỉ tiêu | 2008 | 2009 |
|--|-------------|-------------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn: = TSLĐ/Nợ ngắn hạn | 2,40 | 3,08 |
| + Hệ số thanh toán nhanh= (TSLĐ - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn | 1,48 | 2,06 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 0,12 | 0,11 |



| | | |
|--|------|------|
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 0,14 | 0,13 |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho BQ | 1,18 | 1,52 |
| + Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 0,25 | 0,21 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | (*) | (*) |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | (*) | (*) |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | (*) | (*) |

(*) Do năm 2008, 2009, công ty vẫn đang bị lỗ nên kết quả chỉ tiêu về khả năng sinh lời không có ý nghĩa;

Nguồn: BCTC Kiểm toán 2008, 2009; BCTC Quý III/2010

12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng:

12.1 Danh sách Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

| STT | HỌ VÀ TÊN | CHỨC VỤ | NĂM SINH | SỐ CMND |
|------------|--------------------------|-------------------|----------|-----------|
| I | HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | | | |
| 1 | PHẠM CHƯỜNG | Chủ tịch | 1955 | 270011651 |
| 2 | NGUYỄN MINH | Thành viên | 1963 | 020467872 |
| 3 | NGUYỄN VĂN KIỀU | Thành viên | 1970 | 023067960 |
| II | BAN KIỂM SOÁT | | | |
| 1 | ĐINH THỊ HOÀI BẮC | Trưởng ban | 1969 | 022214880 |
| 2 | TẠ QUANG VĨNH | Thành viên | 1959 | 270062791 |
| 3 | LÊ BÁ HÙNG | Thành viên | 1980 | 171665339 |
| III | BAN GIÁM ĐỐC | | | |
| 1 | LÊ SONG THÁI DƯƠNG | Tổng Giám đốc | 1972 | 270972666 |
| 2 | ĐỖ NGUYỄN THANH | Phó Tổng Giám đốc | 1977 | 271391310 |
| 3 | HUỲNH QUANG VŨ | Phụ trách Kế toán | 1984 | 211770168 |



12.2 Sơ yếu lý lịch

Hội Đồng Quản Trị

| Ông Phạm Chương – Chủ Tịch Hội đồng Quản trị | | | |
|--|---|--------------------|---|
| Giới tính | Nam | Quê quán | BÌNH DƯƠNG |
| Ngày/tháng/năm sinh | 05/05/1955 | Địa chỉ thường trú | 30D Cách mạng tháng 8, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai |
| Nơi sinh | Bình Dương | Điện thoại | |
| Quốc tịch | Việt Nam | Trình độ văn hóa | 12/12 |
| Dân tộc | Kinh | CMND số | : Ngày cấp: 09/07/2003 270011651 |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân Bưu Điện, Thạc sỹ | | |
| Quá trình công tác: | | | |
| <ul style="list-style-type: none"> • Nguyên Giám đốc Bưu Điện Tỉnh Đồng Nai. • Nguyên Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cấp và Vật liệu Viễn thông. | | | |
| Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty | Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhựa Sam Phú | | |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác | <ul style="list-style-type: none"> • Cán bộ Viễn thông Đồng Nai. • Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bao bì và Dịch vụ Sam Thịnh. • Thành viên Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Cấp Sài Gòn. | | |
| Số cổ phần sở hữu đến thời điểm 31/03/2010 | <ul style="list-style-type: none"> - Cá nhân: không - Đại diện phần vốn công ty: không | | |
| Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 31/03/2010 | Không | | |
| Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có) | Không | | |
| Thù lao | Theo quy định của Công ty | | |
| Các khoản lợi ích khác (nếu có) | Không | | |
| Hành vi vi phạm pháp luật | Không | | |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty | Không | | |

**Ông Nguyễn Minh - Ủy viên Hội đồng Quản trị**

| | | | |
|---|---|--------------------|--|
| Giới tính | Nam | Quê quán | |
| Ngày/tháng/năm sinh | 26/06/1963 | Địa chỉ thường trú | 93 Nguyễn Tất Thành, Phường 3, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh |
| Nơi sinh | Hà Nội | Điện thoại | 08.9613353 |
| Quốc tịch | Việt Nam | Trình độ văn hóa | 12/12 |
| Dân tộc | Kinh | CMND số 020467872 | Ngày cấp: 14/12/2009 |
| Trình độ chuyên môn | Kỹ sư Cơ khí. | | |
| Quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> - Từ năm 1988 - 1992: Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh. - Từ năm 1992 đến nay Công ty TNHH Cơ khí Nhựa Bình Đông Hưng. | | | |
| Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty | Thành viên Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú. | | |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác | <ul style="list-style-type: none"> - Giám Đốc Công ty TNHH Cơ khí Nhựa Bình Đông Hưng. - Thành viên Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Nhựa Thống Nhất | | |
| Số cổ phần sở hữu đến thời điểm 31/05/2010 | 85.000 cp tương đương 1,7 % | | |
| Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 31/05/2010 | Không | | |
| Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có) | Không | | |
| Thù lao | Theo quy định của Công ty | | |
| Các khoản lợi ích khác (nếu có) | Không | | |
| Hành vi vi phạm pháp luật | Không | | |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty | Không | | |



| Ông Nguyễn Văn Kiều - Ủy viên Hội đồng Quản trị | | | |
|---|---|--------------------|--|
| Giới tính | Nam | Quê quán | HÀ TĨNH |
| Ngày/tháng/năm sinh | 10/12/1970 | Địa chỉ thường trú | 11 Nguyễn Trung Trực, Phường 5, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh |
| Nơi sinh | Hà Tĩnh | Điện thoại | 08.35127467 |
| Quốc tịch | Việt Nam | Trình độ văn hóa | 12/12 |
| Dân tộc | Kinh | CMND số | 023067960 Ngày cấp: 04/01/2008 |
| Trình độ chuyên môn | Kỹ sư, Thạc sỹ | | |
| <ul style="list-style-type: none"> - Quá trình công tác: Từ 12/1998 ÷ 12/2005: Cán bộ, nhân viên Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Viễn thông (nhân viên Phòng Kỹ thuật, Quản đốc xưởng Dây đồng, Phó Giám đốc Xí nghiệp sản xuất Cáp Viễn thông). - Từ 01/2006 ÷ 03/2009: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần liên doanh Cáp Taihan-Sacom. <p>Từ 03/2009 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Viễn thông</p> | | | |
| Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty | Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú. | | |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác | Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Viễn thông. | | |
| Số cổ phần sở hữu đến thời điểm 31/05/2010 | Không | | |
| Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 31/05/2010 | Không | | |
| Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có) | Không | | |
| Thù lao | Theo quy định của Công ty | | |
| Các khoản lợi ích khác (nếu có) | Không | | |
| Hành vi vi phạm pháp luật | Không | | |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty | Không | | |

**Ban Kiểm soát:****Bà Đinh Thị Hoài Bắc –Trưởng ban kiểm soát**

| | | | |
|--|------------------------------------|--------------------|---|
| Giới tính | Nữ | Quê quán | NINH BÌNH |
| Ngày/tháng/năm sinh | 16/09/1969 | Địa chỉ thường trú | 6/4 Đường 17 Phường Long Thạnh Mỹ Quận 9 TP HCM |
| Nơi sinh: | TP.HCM | Điện thoại: | 0908 607 355 |
| Quốc tịch | Việt Nam | Trình độ văn hóa | 12/12 |
| Dân tộc | Kinh | CMND số 022214880 | Ngày cấp: 10/02/2001 |
| Trình độ chuyên môn | Kỹ sư kinh tế | | |
| Quá trình công tác: | | | |
| - Từ năm 1989 đến nay công tác tại Công ty cổ phần Cáp & Vật liệu Viễn thông | | | |
| Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: | Phó phòng KTTKTC Cty CP Cáp & VLVT | | |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác | Trưởng BKS Cty CP Nhựa Sam Phú | | |
| Số cổ phần sở hữu đến thời điểm 31/05/2010 | Không | | |
| Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 31/05/2010 | Không | | |
| Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có) | Không | | |
| Thù lao | Theo quy định của Công ty | | |
| Các khoản lợi ích khác (nếu có) | Không | | |
| Hành vi vi phạm pháp luật | Không | | |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty | Không | | |

**Ông Tạ Quang Vĩnh – Thành viên Ban kiểm soát**

| | | | |
|---|---|--------------------|--|
| Giới tính | Nam | Quê quán | BÌNH DƯƠNG |
| Ngày/tháng/năm sinh | 25/11/1959 | Địa chỉ thường trú | 134/2 Cách mạng tháng 8, Phường Quang Vinh, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai |
| Nơi sinh | Đồng Nai | Điện thoại | 061 3843049 |
| Quốc tịch | Việt Nam | Trình độ văn hóa | 12/12 |
| Dân tộc | Kinh | CMND số 270062791 | Ngày cấp: 08/09/2003 |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân kinh tế | | |
| Quá trình công tác: | | | |
| <ul style="list-style-type: none"> - Từ năm 1978 đến nay: Công tác tại Bưu Điện Tỉnh Đồng Nai, hiện nay là Viễn Thông Đồng Nai | | | |
| Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty | Thành viên Ban kiểm soát | | |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác | Chuyên viên Tổng hợp Viễn thông Đồng Nai. | | |
| Số cổ phần sở hữu đến thời điểm 31/05/2010 | Không | | |
| Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 31/05/2010 | Không | | |
| Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có) | Không | | |
| Thù lao | Theo quy định của Công ty | | |
| Các khoản lợi ích khác (nếu có) | Không | | |
| Hành vi vi phạm pháp luật | Không | | |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty | Không | | |

**Ông Lê Bá Hùng –Thành viên Ban kiểm soát**

| | | | |
|---|---|--------------------|--|
| Giới tính | Nam | Quê quán | THANH HOÁ |
| Ngày/tháng/năm sinh | 07/10/1980 | Địa chỉ thường trú | Đội 6, Thọ Nguyên, Thọ Xuân, Thanh Hóa |
| Nơi sinh | Thanh Hóa | Điện thoại | 0613 514231 |
| Quốc tịch | Việt Nam | Trình độ văn hóa | 12/12 |
| Dân tộc | Kinh | CMND số 171665339 | Ngày cấp: 31/03/2003 |
| Trình độ chuyên môn | Kỹ sư Điện Công nghiệp | | |
| <p>Quá trình công tác: Từ năm 2006-nay: Công ty cổ phần Nhựa Sam Phú (công nhân, Quản đốc PXSX, Phó Giám đốc KHKDĐT, Giám đốc sản xuất)</p> | | | |
| Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty | Thành viên Ban kiểm soát- Giám đốc sản xuất | | |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác | | | |
| Số cổ phần sở hữu đến thời điểm 31/05/2010 | Không | | |
| Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 31/05/2010 | Không | | |
| Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có) | Không | | |
| Thù lao | Theo quy định của Công ty | | |
| Các khoản lợi ích khác (nếu có) | Không | | |
| Hành vi vi phạm pháp luật | Không | | |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty | Không | | |

**Ban Giám đốc**

| Ông Lê Song Thái Dương – Tổng Giám đốc | | | |
|--|------------|-----------------------------|--|
| Giới tính | Nam | Quê quán | ĐỒNG NAI |
| Ngày/tháng/năm sinh | 04/05/1972 | Địa chỉ thường trú | F.19 - đường Phan Chu Trinh - P.Quang Vinh - TpBiên Hoà – ĐN |
| Nơi sinh | Đồng Nai | Điện thoại | 0613 514169 |
| Quốc tịch | Việt Nam | Trình độ văn hóa | 12/12 |
| Dân tộc | Kinh | CMND số 270972666 | Ngày cấp: 17/11/2005 |
| Trình độ chuyên môn | Kỹ sư điện | | |
| Quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> - 2000-06/2006: Chuyên viên Phòng Đầu tư xây dựng cơ bản Công ty cổ phần Cấp và vật liệu viễn thông - SACOM; - 06/2006 đến nay: Thành viên Ban Điều hành Công ty cổ phần Nhựa Sam Phú (Phó Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc) | | | |
| Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty | | TỔNG GIÁM ĐỐC | |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác | | Không | |
| Số cổ phần sở hữu đến thời điểm 31/05/2010 | | 16.000 CP tương đương 0,32% | |
| Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 31/05/2010 | | Không | |
| Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có) | | Không | |
| Thù lao | | Theo quy định của Công ty | |
| Các khoản lợi ích khác (nếu có) | | Không | |
| Hành vi vi phạm pháp luật | | Không | |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty | | Không | |

**Ông Đỗ Nguyên Thanh – Phó Tổng Giám đốc**

| | | | |
|---|---|--------------------|--|
| Giới tính | Nam | Quê quán | Đồng Nai |
| Ngày/tháng/năm sinh | 25/12/1977 | Địa chỉ thường trú | ấp 7, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, Đồng Nai |
| Nơi sinh | TP Hồ Chí Minh | Điện thoại | 0613 514168 |
| Quốc tịch | Việt Nam | Trình độ văn hóa | 12/12 |
| Dân tộc | Kinh | CMND số | 271391315 Ngày cấp: 14/11/2006 |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh | | |
| Quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> Từ tháng 04/2000 đến tháng 03/2005: Kế Toán tổng hợp của Trung tâm Kỹ thuật Địa chính Nhà đất Đồng Nai – Biên Hòa, Đồng Nai. Từ tháng 04/2005 đến tháng 03/2007: Kế Toán Trưởng của Văn phòng Đăng ký Quyền sử dụng đất tỉnh Đồng Nai– Biên Hòa, Đồng Nai. Từ tháng 04/2007 đến nay: Kế Toán tổng hợp, Kế Toán trưởng, Phó Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú – KCN Long Thành, Đồng Nai. | | | |
| Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty | Phó Tổng Giám Đốc | | |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác | Không | | |
| Số cổ phần sở hữu đến thời điểm 31/05/2010 | Không | | |
| Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 31/05/2010 | Không | | |
| Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có) | Không | | |
| Thù lao | Theo quy định của Công ty | | |
| Các khoản lợi ích khác (nếu có) | Không | | |
| Hành vi vi phạm pháp luật | Không | | |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty | Không | | |



| Ông Huỳnh Quang Vũ – Phụ trách kế toán | | | |
|---|---------------------------------|--------------------|--|
| Giới tính | Nam | Quê quán | Bình Định |
| Ngày/tháng/năm sinh | 05-08-1984 | Địa chỉ thường trú | 51/4 KP10-P.Tân Biên-Biên Hòa- Đồng Nai |
| Nơi sinh | An Nhơn- Bình Định | Điện thoại | 0945 288166 |
| Quốc tịch | Việt Nam | Trình độ văn hóa | 12/12 |
| Dân tộc | Kinh | CMND số | 211770168 Ngày cấp: 28/07/1999 |
| Trình độ chuyên môn | Cử Nhân QTKD- Chuyên ngành TCTD | | |
| Quá trình công tác: | | | |
| <ul style="list-style-type: none"> - 2006-03/2010: Làm việc tại phòng kế toán Công Ty Cổ Phần Chăn Nuôi C.P Việt Nam. - 04/2010 đến nay: làm việc tại phòng kế toán Công ty Cổ Phần Nhựa Sam Phú. | | | |
| Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty | Phụ Trách kế toán | | |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác | Không | | |
| Số cổ phần sở hữu đến thời điểm 31/05/2010 | Không | | |
| Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 31/05/2010 | Không | | |
| Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có) | Không | | |
| Thù lao | Theo quy định của Công ty | | |
| Các khoản lợi ích khác (nếu có) | Không | | |
| Hành vi vi phạm pháp luật | Không | | |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty | Không | | |



13. Tài sản

Giá trị của các tài sản cố định tại công ty:

ĐVT: triệu đồng

| Loại tài sản | 31/12/2008 | | 31/12/2009 | | 30/09/2010 | |
|-----------------------------|---------------|-----------------|---------------|-----------------|---------------|-----------------|
| | Nguyên giá | Giá trị còn lại | Nguyên giá | Giá trị còn lại | Nguyên giá | Giá trị còn lại |
| Nhà cửa vật kiến trúc | 9.609 | 8.819 | 9.609 | 8.098 | 9.585 | 7.661 |
| Máy móc thiết bị | 7.833 | 6.847 | 7.942 | 6.170 | 7.404 | 5.114 |
| Phương tiện vận tải | 3.575 | 2.700 | 1.722 | 1.098 | 2.294 | 1.347 |
| TSCĐ dùng trong quản lý | 56 | 37 | 56 | 26 | 44 | 10 |
| Cộng Giá trị còn lại | 21.072 | 18.403 | 19.327 | 15.391 | 19.327 | 14.132 |

Nguồn: Báo cáo tài chính 2008, 2009, Quý III/2010 - SPC

Giá trị đất công ty sở hữu :

+Giá trị: 8.521.698.166 đồng tại KCN Long Thành, huyện Long Thành, Đồng Nai

+Tổng diện tích: 23.023 m²

Trong đó: - Lô X: 6.374,4 m²

- Lô Y: 10.315,6 m²

- Lô Z: 6.333 m²

+Thời hạn thuê: 30/11/2006 đến 31/10/2053.

+Mục đích sử dụng: đền bù, giải tỏa, di chuyển dân cư, duy tu các công trình hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp: hệ thống đường giao thông, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống cây xanh, thảm cỏ, hệ thống chiếu sáng đường giao thông và vệ sinh KCN.

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo:

14.1 Kế hoạch lợi nhuận cổ tức năm 2010



Đơn vị tính: triệu đồng

| Chỉ tiêu | Thực hiện Năm 2009 | Kế hoạch Năm 2010 | % tăng giảm |
|--|--------------------|-------------------|-------------|
| Doanh thu thuần | 9.305 | 17.300 | 85,92% |
| Lợi nhuận sau thuế | (1.209) | 191 | (*) |
| Vốn điều lệ | 50.000 | 50.000 | 0% |
| Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | - | 1,1% | (*) |
| Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | - | 0,5% | (*) |
| Cổ tức | - | - | |

(*) Do năm 2009 công ty vẫn đang bị lỗ nên các hệ số này không có ý nghĩa;

Nguồn: Nghị quyết đại hội đồng cổ đông 2010

14.2 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên.

Ban Điều hành đã lên kế hoạch 2010 từ tháng 12/2009, triển khai thực hiện từ đầu năm, đến nay đã đạt được 34% doanh thu cả năm, đạt 430% so cùng kỳ năm trước. Đây được xem là khởi đầu tương đối thành công vì những tháng đầu năm rơi vào thời điểm Tết Nguyên đán nên sức tiêu thụ có thấp hơn các tháng còn lại.

Thị trường cũng đã quen và dần chấp nhận thương hiệu SAM PHÚ của sản phẩm nên tốc độ bán hàng khá thi hơn.

Thị trường bất động sản đang âm dần lên, nền kinh tế thế giới dần phục hồi là những tín hiệu khả quan cho việc tăng nhu cầu tiêu thụ sản lượng ống nhựa dân dụng và công nghiệp.

Chủ trương ngâm hoá mạng lưới viễn thông, điện lực của Chính phủ đã được các đơn vị Viễn thông, điện lực tiến hành làm tăng nhu cầu sử dụng ống nhựa luôn cấp.

14.3 Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua.

Công ty dự kiến khai thác tối đa các dự án đã đầu tư trong các năm gần đây, không đầu tư thêm dự án nào trong năm 2010.

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký giao dịch:

Không có

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty:

Không có



V. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. ***Loại chứng khoán: cổ phiếu phổ thông Công ty cổ phần Nhựa Sam Phú***
2. ***Mệnh giá: 10.000 VNĐ***
3. ***Tổng số chứng khoán ĐKGD: 5.000.000 cổ phiếu.***
4. ***Tổng giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch: 50.000.000.000 VNĐ***
5. ***Phương pháp tính giá: Theo giá trị sổ sách***

Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2008

$$\text{Giá sổ sách cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu (*)} \quad \mathbf{39.802.855.495}}{\text{(trừ Quỹ khen thưởng, phúc lợi)} \quad \mathbf{5.000.000}} = \frac{\mathbf{39.802.855.495}}{\mathbf{5.000.000}} = \mathbf{7.960,57} \text{ đồng}$$

Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2009

$$\text{Giá sổ sách cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu (*)} \quad \mathbf{38.593.865.128}}{\text{(trừ Quỹ khen thưởng, phúc lợi)} \quad \mathbf{5.000.000}} = \frac{\mathbf{38.593.865.128}}{\mathbf{5.000.000}} = \mathbf{7.718,77} \text{ đồng}$$

Giá trị sổ sách tại thời điểm 30/09/2010

$$\text{Giá sổ sách cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu (*)} \quad \mathbf{37.084.423.969}}{\text{(trừ Quỹ khen thưởng, phúc lợi)} \quad \mathbf{5.000.000}} = \frac{\mathbf{37.084.423.969}}{\mathbf{5.000.000}} = \mathbf{7.416,88} \text{ đồng}$$

(*) Vốn chủ sở hữu và số lượng cổ phần được lấy từ báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2008 và 2009; báo cáo tài chính quý III/2010.

6. ***Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:***

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh nhựa không quy định giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài. Hiện tại, cổ đông nước ngoài đang nắm giữ 0,32% tổng số cổ phần đã phát hành của Công ty.

Sau khi đăng ký giao dịch tại sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân thủ theo quy định tại Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 quy định về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường Chứng khoán Việt Nam. Theo đó tổ chức, cá nhân nước ngoài mua bán trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán nắm giữ tối đa 49 % tổng số cổ phần phát hành ra công chúng.

7. ***Các loại thuế có liên quan:***

Thuế nhập khẩu:

Thuế suất đối với các mặt hàng hạt nhựa nhập khẩu của Công ty được quy định tại Biểu thuế nhập khẩu hiện hành do Bộ tài chính ban hành.



Thuế giá trị gia tăng:

Thuế suất thuế GTGT hiện đang áp dụng đối với Công ty được quy định tại Biểu thuế GTGT hiện hành do Bộ tài chính ban hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ nhân với thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Thuế suất áp dụng với Công ty là 25%.

Thuế thu nhập cá nhân:

Thuế suất thuế thu nhập cá nhân áp dụng theo quy định tại Biểu thuế thu nhập cá nhân hiện hành do Bộ tài chính ban hành.

Ngoài ra, Công ty còn phải chịu các loại thuế và phí khác theo quy định của pháp luật.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tổ chức tư vấn và cam kết bảo trợ



Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT (FPTS)

Trụ sở chính

Địa chỉ: 71 Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội.

Điện thoại: (84-4) 3.773 7070 Fax: (84-4) 3.773 9058

Website: www.fpts.com.vn

Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 31 Nguyễn Công Trứ - Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 6.290 8686 Fax: (84-8) 6.291 0607

2. Tổ chức kiểm toán



Năm 2008: Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)

Trụ sở chính: 29 Hoàng Sa, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 08.39103908, 39104881 Fax: 08.39104880

Website :



Năm 2009: Công ty TNHH kiểm toán AS

Trụ sở chính : Tầng Lững, Cao ốc Văn Phòng VITEK, 63 Võ Văn Tần, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Tel: (84.8) 930 1277 – 930 1278 Fax: (84.8) 930 1395

Email: ktas@hcm.vnn.vn Website: www.asco.com.vn

:

VII. PHỤ LỤC

Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Phụ lục II: Điều lệ công ty.

Phụ lục III: Các báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SAM PHÚ



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Trên đây là nội dung Bản công bố thông tin Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú để đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, trân trọng công bố đến Quý cơ quan và nhà đầu tư.

Đồng Nai, ngày 02 tháng 07 năm 2010.

| TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SAM PHÚ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | |
|---|--|
|  PHẠM CHƯƠNG | |
| TỔNG GIÁM ĐỐC | KẾ TOÁN TRƯỞNG |
|  LÊ SONG THÁI DƯƠNG |  HUỖNH QUANG VŨ |

| TỔ CHỨC TƯ VẤN VÀ CAM KẾT HỖ TRỢ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT - CN TP HCM GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH |
|---|
|  NGUYỄN VĂN TRUNG |